

SỞ GD&ĐT NINH BÌNH  
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN BẢO



**ĐIỂM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026-2027**  
(Theo độ dốc điểm)

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
1	021010	ĐỖ QUỐC BẢO	Nam	12/08/2011	THCS Điện Xá	Phòng 52	9.50	9.00	9.05	0.00	0.00	27.55
2	020475	ĐỖ TRƯỜNG GIANG	Nam	25/06/2011	THCS Nguyễn Hiền	Phòng 22	8.75	8.50	9.30	0.00	0.50	27.05
3	740482	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	08/07/2011	THCS Điện Xá	Phòng 21	8.50	8.50	8.95	0.00	0.00	25.95
4	020583	TRIỆU NAM DƯƠNG	Nam	07/12/2011	THCS Điện Xá	Phòng 28	8.50	8.00	8.95	0.00	0.00	25.45
5	740117	TRẦN THÙY DƯƠNG	Nữ	20/06/2011	THCS Nam Phong	Phòng 5	8.50	9.00	7.95	0.00	0.00	25.45
6	740333	LÊ BẢO NGỌC	Nữ	24/10/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 14	8.50	8.75	8.20	0.00	0.00	25.45
7	740157	ĐỖ GIA HÂN	Nữ	11/03/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 7	8.25	8.50	8.65	0.00	0.00	25.40
8	740530	HOÀNG THỊ TUYẾT	Nữ	02/06/2011	THCS Nam Mỹ	Phòng 23	8.25	8.75	8.05	0.00	0.00	25.05
9	740214	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	04/07/2011	THCS Điện Xá	Phòng 9	8.50	8.00	8.45	0.00	0.00	24.95
10	740055	MAI NGỌC ÁNH	Nữ	05/10/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 3	8.00	8.50	8.20	0.00	0.00	24.70
11	740423	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH	Nữ	19/12/2011	THCS Điện Xá	Phòng 18	7.50	8.75	8.30	0.00	0.00	24.55
12	740363	LƯU HỒNG NHUNG	Nữ	28/04/2011	THCS Điện Xá	Phòng 16	7.75	8.50	8.20	0.00	0.00	24.45
13	740383	ĐỖ DƯƠNG PHÚC	Nam	17/03/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 16	8.50	8.50	7.45	0.00	0.00	24.45
14	740282	PHẠM VŨ MINH LONG	Nam	03/12/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 12	9.25	7.75	7.35	0.00	0.00	24.35
15	740331	ĐẶNG BẢO NGỌC	Nữ	06/10/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 14	8.25	8.75	7.35	0.00	0.00	24.35
16	740338	NGUYỄN THỊ NGỌC	Nữ	10/01/2011	THCS Điện Xá	Phòng 15	8.25	8.25	7.85	0.00	0.00	24.35
17	740399	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	Nam	20/09/2010	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 17	8.00	8.00	8.25	0.00	0.00	24.25
18	740542	NGUYỄN THỊ KHÁNH VÂN	Nữ	24/11/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 23	8.25	8.25	7.70	0.00	0.00	24.20
19	740347	VŨ TRUNG NGUYỄN	Nam	17/09/2011	THCS Nam Cường	Phòng 15	8.25	8.25	7.65	0.00	0.00	24.15
20	740435	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	16/10/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 19	8.00	8.00	8.10	0.00	0.00	24.10
21	740023	NGUYỄN MAI ANH	Nữ	03/07/2011	THCS Điện Xá	Phòng 1	8.00	8.50	7.55	0.00	0.00	24.05
22	740275	ĐỖ ĐÌNH LONG	Nam	19/01/2011	THCS Điện Xá	Phòng 12	7.75	8.50	7.80	0.00	0.00	24.05

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
23	740317	TRẦN TRÀ MY	Nữ	01/03/2011	THCS Nam Mỹ	Phòng 14	7.50	9.00	7.55	0.00	0.00	24.05
24	020987	ĐỖ DUY VIỆT ANH	Nam	12/06/2011	THCS Điện Xá	Phòng 51	8.25	7.25	8.50	0.00	0.00	24.00
25	740416	NGUYỄN MINH TÂM	Nữ	22/07/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 18	8.00	8.25	7.75	0.00	0.00	24.00
26	740071	PHẠM BÙI GIA BẢO	Nam	14/05/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 3	8.25	7.75	7.95	0.00	0.00	23.95
27	740185	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	04/09/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 8	8.25	8.25	7.45	0.00	0.00	23.95
28	740230	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Nữ	09/12/2011	THCS Điện Xá	Phòng 10	8.00	8.00	7.95	0.00	0.00	23.95
29	740233	ĐỖ ĐỨC KHANG	Nam	29/08/2011	THCS Điện Xá	Phòng 10	8.00	8.00	7.95	0.00	0.00	23.95
30	740148	LÊ THỊ NGÂN HÀ	Nữ	09/10/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 7	8.00	8.00	7.85	0.00	0.00	23.85
31	740302	ĐỖ ĐÌNH MẠNH	Nam	01/01/2011	THCS Nguyễn Hiền	Phòng 13	8.25	8.00	7.60	0.00	0.00	23.85
32	740371	HOÀNG ĐÌNH PHONG	Nam	16/10/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 16	8.50	7.50	7.85	0.00	0.00	23.85
33	740497	HOÀNG MINH TRIẾT	Nam	20/09/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 21	8.50	8.00	7.35	0.00	0.00	23.85
34	020442	LÊ HẢI YẾN	Nữ	15/09/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 20	8.00	9.00	6.80	0.00	0.00	23.80
35	740167	VŨ VĂN HIỆU	Nam	10/01/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 7	7.75	8.50	7.50	0.00	0.00	23.75
36	740314	ĐOÀN THỊ TRÀ MY	Nữ	23/05/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 14	8.25	8.25	7.25	0.00	0.00	23.75
37	740388	NGUYỄN QUỲNH PHƯƠNG	Nữ	04/03/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 17	8.50	8.00	7.25	0.00	0.00	23.75
38	740238	LÊ NGỌC KHÁNH	Nữ	23/11/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 10	7.75	8.50	7.45	0.00	0.00	23.70
39	740507	HÀ XUÂN TRƯỜNG	Nam	09/12/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 22	8.50	7.50	7.70	0.00	0.00	23.70
40	740073	PHAN DUY BẢO	Nam	08/04/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 4	8.50	6.75	8.40	0.00	0.00	23.65
41	740258	LÊ KHÁNH LINH	Nữ	21/10/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 11	7.50	8.25	7.85	0.00	0.00	23.60
42	740484	NGUYỄN THÙY TRANG	Nữ	30/10/2011	THCS Điện Xá	Phòng 21	8.50	8.00	7.10	0.00	0.00	23.60
43	740065	LÊ TUẤN BẢO	Nam	02/11/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 3	8.50	8.00	7.05	0.00	0.00	23.55
44	740251	LÊ MAI TÙNG LÂM	Nam	28/08/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 11	8.00	6.75	8.75	0.00	0.00	23.50
45	740419	MAI THỂ TÂN	Nam	30/07/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 18	8.50	7.25	7.75	0.00	0.00	23.50
46	740092	LÊ THỊ HUYỀN DIỆU	Nữ	14/08/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 4	8.25	8.25	6.95	0.00	0.00	23.45
47	740111	LƯU ĐÌNH DƯƠNG	Nam	07/10/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 5	8.00	8.50	6.95	0.00	0.00	23.45
48	740479	NGUYỄN HUYỀN TRANG	Nữ	10/08/2011	THCS Nam Mỹ	Phòng 20	7.50	8.25	7.70	0.00	0.00	23.45
49	740522	NGUYỄN THANH TÙNG	Nam	18/09/2011	THCS Điện Xá	Phòng 22	7.50	8.00	7.95	0.00	0.00	23.45
50	740068	NGUYỄN GIA BẢO	Nam	05/01/2011	THCS Điện Xá	Phòng 3	7.50	8.50	7.40	0.00	0.00	23.40

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
51	740483	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	Nữ	20/10/2011	THCS Điền Xá	Phòng 21	8.00	8.25	7.15	0.00	0.00	23.40
52	740112	MAI THÙY DƯƠNG	Nữ	05/10/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 5	7.50	8.00	7.85	0.00	0.00	23.35
53	740211	LƯU KHÁNH HUYỀN	Nữ	27/11/2011	THCS Điền Xá	Phòng 9	8.00	8.00	7.35	0.00	0.00	23.35
54	740218	TRẦN NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	Nữ	24/07/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 10	8.50	8.00	6.85	0.00	0.00	23.35
55	740418	PHẠM MINH TÂM	Nữ	03/10/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 18	7.75	8.00	7.60	0.00	0.00	23.35
56	740444	HOÀNG VIỆT THẮNG	Nam	16/04/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 19	8.50	7.25	7.60	0.00	0.00	23.35
57	740422	ĐỖ ĐỨC THANH	Nam	22/09/2011	THCS Điền Xá	Phòng 18	8.50	8.50	6.25	0.00	0.00	23.25
58	740453	PHAN ANH THƠ	Nữ	18/01/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 19	8.00	7.75	7.50	0.00	0.00	23.25
59	740186	PHẠM DANH HUY HOÀNG	Nam	25/08/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 8	8.00	7.75	7.45	0.00	0.00	23.20
60	740229	NGUYỄN THANH HƯƠNG	Nữ	02/07/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 10	8.50	7.50	7.20	0.00	0.00	23.20
61	740367	NGUYỄN THẾ PHÁT	Nam	12/11/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 16	6.75	8.50	7.95	0.00	0.00	23.20
62	740035	PHẠM THUỶ ANH	Nữ	05/08/2011	THCS Nam Mỹ	Phòng 2	6.50	8.50	8.15	0.00	0.00	23.15
63	740104	PHẠM NGỌC KHÁNH DUY	Nam	23/08/2011	THCS Hoàng Ngân	Phòng 5	8.00	6.75	8.40	0.00	0.00	23.15
64	740100	VŨ MẠNH DŨNG	Nam	17/10/2011	THCS Nam Dương	Phòng 5	7.75	7.75	7.60	0.00	0.00	23.10
65	740324	ĐOÀN THỊ TUYẾT NGA	Nữ	27/12/2011	THCS Nam Thắng	Phòng 14	8.00	8.50	6.60	0.00	0.00	23.10
66	740354	HOÀNG THỊ YẾN NHI	Nữ	08/09/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 15	7.75	8.50	6.85	0.00	0.00	23.10
67	740107	VŨ HƯƠNG DUYÊN	Nữ	10/05/2011	THCS Nam Cường	Phòng 5	8.00	8.25	6.80	0.00	0.00	23.05
68	740289	PHẠM ĐỨC LUÂN	Nam	14/01/2011	THCS Nam Cường	Phòng 13	8.25	8.25	6.55	0.00	0.00	23.05
69	740572	TRIỆU BẢO YẾN	Nữ	13/07/2011	THCS Nam Mỹ	Phòng 24	7.50	8.00	7.55	0.00	0.00	23.05
70	740269	NGUYỄN VŨ BẢO LINH	Nữ	01/08/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 12	7.50	8.75	6.70	0.00	0.00	22.95
71	740365	PHẠM VIỆT TRANG NHUNG	Nữ	24/11/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 16	7.75	7.75	7.45	0.00	0.00	22.95
72	740398	ĐỖ MINH QUÂN	Nam	29/04/2011	THCS Điền Xá	Phòng 17	8.00	8.50	6.45	0.00	0.00	22.95
73	740458	ĐỖ THỊ THU THỦY	Nữ	04/03/2011	THCS Điền Xá	Phòng 20	8.75	8.50	5.70	0.00	0.00	22.95
74	740512	PHẠM VĂN TUẤN	Nam	11/01/2011	THCS Điền Xá	Phòng 22	8.00	7.50	7.45	0.00	0.00	22.95
75	740514	LÊ ANH TUẤN	Nam	10/06/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 22	7.25	8.75	6.95	0.00	0.00	22.95
76	740050	VŨ PHƯƠNG ANH	Nữ	05/08/2011	THCS Điền Xá	Phòng 3	7.75	8.00	7.10	0.00	0.00	22.85
77	740113	NGÔ THÙY DƯƠNG	Nữ	18/01/2011	THCS Mỹ Xá	Phòng 5	7.50	8.00	7.35	0.00	0.00	22.85
78	740147	VŨ THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	10/05/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 7	7.75	8.00	7.10	0.00	0.00	22.85

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
79	740457	NGUYỄN LINH THÙY	Nữ	19/01/2011	THCS Nam Cường	Phòng 20	7.25	8.25	7.35	0.00	0.00	22.85
80	740513	ĐOÀN HỮU TUẤN	Nam	19/10/2011	THCS Điền Xá	Phòng 22	7.75	8.25	6.85	0.00	0.00	22.85
81	740067	NGUYỄN GIA BẢO	Nam	24/01/2011	THCS Nam Mỹ	Phòng 3	7.50	7.50	7.80	0.00	0.00	22.80
82	740225	NGUYỄN THẾ HÙNG	Nam	08/11/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 10	7.75	7.00	8.05	0.00	0.00	22.80
83	740304	NGUYỄN HOÀNG ĐỨC MẠNH	Nam	02/01/2011	THCS Nam Thắng	Phòng 13	6.00	7.50	8.30	1.00	0.00	22.80
84	740306	HOÀNG LÊ MINH	Nam	30/10/2011	THCS Điền Xá	Phòng 13	7.50	7.75	7.55	0.00	0.00	22.80
85	740395	BÙI NHẬT QUANG	Nam	18/10/2011	THCS Nam Thắng	Phòng 17	8.00	7.75	7.05	0.00	0.00	22.80
86	740476	ĐOÀN THU TRANG	Nữ	22/12/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 20	7.25	7.75	7.80	0.00	0.00	22.80
87	740493	PHÙNG BẢO TRÂM	Nữ	16/05/2011	THCS Nam Thắng	Phòng 21	6.75	8.25	6.80	1.00	0.00	22.80
88	740029	NGUYỄN VIỆT ANH	Nam	20/07/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 2	8.50	7.50	6.75	0.00	0.00	22.75
89	740309	NGUYỄN QUANG MINH	Nam	10/03/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 13	8.25	7.75	6.75	0.00	0.00	22.75
90	740352	ĐỖ BẢO NHI	Nữ	13/06/2011	THCS Điền Xá	Phòng 15	8.00	7.75	7.00	0.00	0.00	22.75
91	740417	NGUYỄN THANH TÂM	Nữ	27/04/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 18	7.50	8.00	7.25	0.00	0.00	22.75
92	740424	PHẠM THỊ THANH	Nữ	18/01/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 18	7.75	8.50	6.50	0.00	0.00	22.75
93	740149	NGUYỄN VIỆT HÀ	Nam	11/10/2011	THCS Điền Xá	Phòng 7	8.50	8.00	6.20	0.00	0.00	22.70
94	740446	NGUYỄN QUÝ THẮNG	Nam	12/12/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 19	8.50	7.25	6.95	0.00	0.00	22.70
95	740019	NGUYỄN DUY ANH	Nam	22/05/2011	THCS Nam Phong	Phòng 1	7.75	7.50	7.35	0.00	0.00	22.60
96	740154	TÔ VĂN HẢO	Nam	24/08/2011	THCS Nam Cường	Phòng 7	7.50	8.00	7.10	0.00	0.00	22.60
97	740189	PHẠM ÁNH HỒNG	Nữ	05/02/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 8	8.25	7.25	7.10	0.00	0.00	22.60
98	740252	NGUYỄN HOÀNG HẢI LÂM	Nam	17/05/2011	TH&THCS Nam Hùng	Phòng 11	6.25	8.00	8.35	0.00	0.00	22.60
99	740426	PHÙNG QUANG THANH	Nam	11/01/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 18	8.50	7.00	7.10	0.00	0.00	22.60
100	740506	ĐỖ ĐÌNH TRƯỜNG	Nam	13/05/2011	THCS Nam Thắng	Phòng 22	7.25	6.50	8.85	0.00	0.00	22.60
101	740323	PHAN NGUYỄN PHƯƠNG NAM	Nam	31/08/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 14	9.00	8.50	5.05	0.00	0.00	22.55
102	740436	NGUYỄN THANH THẢO	Nữ	13/07/2011	THCS Nam Mỹ	Phòng 19	7.00	8.25	7.30	0.00	0.00	22.55
103	740058	TÔ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	28/06/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 3	8.25	8.00	6.25	0.00	0.00	22.50
104	740134	PHẠM VIỆT ĐỊNH	Nam	20/09/2011	THCS Nam Phong	Phòng 6	7.25	8.25	7.00	0.00	0.00	22.50
105	740190	TRỊNH THỊ THÚY HỒNG	Nữ	24/01/2011	THCS Nam Mỹ	Phòng 8	7.00	8.25	7.25	0.00	0.00	22.50
106	740217	PHAN THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	24/08/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 10	8.50	8.50	5.50	0.00	0.00	22.50

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
107	740074	TÔ GIA BẢO	Nam	19/11/2011	THCS Điền Xá	Phòng 4	8.00	7.75	6.70	0.00	0.00	22.45
108	740182	TÔ CAO HOÀN	Nam	24/08/2011	THCS Nam Cường	Phòng 8	8.00	8.00	6.45	0.00	0.00	22.45
109	740568	PHAN THỊ THANH XUÂN	Nữ	14/01/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 24	8.00	7.00	7.45	0.00	0.00	22.45
110	740102	NGUYỄN MINH DUY	Nam	06/10/2011	THCS Nam Phong	Phòng 5	7.75	8.00	6.60	0.00	0.00	22.35
111	740110	LÊ THUYỀN DƯƠNG	Nữ	17/05/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 5	7.50	8.50	6.35	0.00	0.00	22.35
112	740115	NGUYỄN HOÀNG ĐỨC DƯƠNG	Nam	14/07/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 5	7.50	7.75	7.10	0.00	0.00	22.35
113	740139	HOÀNG VŨ ANH ĐỨC	Nam	20/01/2011	THCS Mỹ Xá	Phòng 6	8.00	7.50	6.85	0.00	0.00	22.35
114	740145	HOÀNG MINH GIANG	Nam	28/10/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 7	8.50	7.00	6.85	0.00	0.00	22.35
115	740178	ĐỖ DƯƠNG HIỆU	Nam	20/06/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 8	8.00	7.75	6.60	0.00	0.00	22.35
116	740445	NGUYỄN CHIẾN THẮNG	Nam	08/06/2011	THCS Hoàng Ngân	Phòng 19	9.25	6.50	6.60	0.00	0.00	22.35
117	740500	LÊ THỊ KIỀU TRINH	Nữ	30/05/2011	THCS Nam Mỹ	Phòng 21	7.25	8.25	6.85	0.00	0.00	22.35
118	740557	HOÀNG LÊ NHẬT VY	Nữ	24/10/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 24	7.75	8.00	6.60	0.00	0.00	22.35
119	740038	PHAN NGỌC PHƯƠNG ANH	Nữ	22/11/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 2	8.00	8.00	6.30	0.00	0.00	22.30
120	740201	ĐỖ QUANG HUY	Nam	05/02/2011	THCS Điền Xá	Phòng 9	8.00	8.00	6.30	0.00	0.00	22.30
121	740164	TRIỆU THU HIỀN	Nữ	21/08/2011	THCS Nam Mỹ	Phòng 7	7.75	7.75	6.75	0.00	0.00	22.25
122	740184	MAI HUY HOÀNG	Nam	13/06/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 8	8.25	7.50	6.50	0.00	0.00	22.25
123	740305	ĐẶNG NGỌC MINH	Nữ	25/05/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 13	7.50	8.00	6.75	0.00	0.00	22.25
124	740311	TRẦN HẢI MINH	Nam	28/11/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 13	7.75	8.50	6.00	0.00	0.00	22.25
125	740329	NGUYỄN TRUNG NGHĨA	Nam	02/01/2011	THCS Nam Phong	Phòng 14	8.50	7.75	6.00	0.00	0.00	22.25
126	740461	HOÀNG THỊ THANH THÚY	Nữ	23/07/2011	THCS Nam Phong	Phòng 20	7.75	8.25	6.25	0.00	0.00	22.25
127	740521	NGUYỄN THANH TÙNG	Nam	02/02/2011	THCS Nam Phong	Phòng 22	6.25	8.25	7.75	0.00	0.00	22.25
128	740544	PHAN THẢO VÂN	Nữ	20/03/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 23	7.25	8.75	6.25	0.00	0.00	22.25
129	740047	VŨ HÀ ANH	Nữ	11/12/2011	THCS Nam Cường	Phòng 2	7.25	7.50	7.45	0.00	0.00	22.20
130	740380	VŨ HOÀNG PHÚ	Nam	04/02/2011	THCS Nam Cường	Phòng 16	7.50	6.75	6.95	1.00	0.00	22.20
131	740036	PHẠM TRẦN ANH	Nam	09/12/2011	THCS Điền Xá	Phòng 2	7.25	7.75	7.15	0.00	0.00	22.15
132	740120	ĐOÀN DUY ĐẠT	Nam	30/08/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 5	7.50	8.50	6.10	0.00	0.00	22.10
133	740291	NGUYỄN ĐỨC LƯƠNG	Nam	14/10/2011	THCS Hoàng Ngân	Phòng 13	8.50	7.00	6.60	0.00	0.00	22.10
134	740332	LẠI KHÁNH NGỌC	Nữ	04/12/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 14	8.00	6.50	7.60	0.00	0.00	22.10

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
135	740447	NGUYỄN VĂN THẮNG	Nam	19/04/2011	THCS Điền Xá	Phòng 19	8.00	8.00	6.10	0.00	0.00	22.10
136	740488	TRẦN VŨ MINH TRANG	Nữ	01/01/2011	THCS Hoàng Ngân	Phòng 21	7.75	7.00	7.35	0.00	0.00	22.10
137	740489	VŨ HUYỀN TRANG	Nữ	22/08/2011	THCS Điền Xá	Phòng 21	7.50	8.25	6.35	0.00	0.00	22.10
138	740566	TRẦN PHƯƠNG VY	Nữ	21/09/2011	THCS Nam Phong	Phòng 24	7.75	8.00	6.35	0.00	0.00	22.10
139	740471	TRƯƠNG MINH THƯ	Nữ	15/02/2011	THCS Điền Xá	Phòng 20	6.75	8.25	7.05	0.00	0.00	22.05
140	740137	HOÀNG MINH ĐỨC	Nam	10/08/2011	THCS Mỹ Xá	Phòng 6	8.00	7.50	6.50	0.00	0.00	22.00
141	740181	VŨ THỊ HÒA	Nữ	25/10/2011	THCS Nam Phong	Phòng 8	7.00	8.25	6.75	0.00	0.00	22.00
142	740240	NGUYỄN DUY KHÁNH	Nam	27/10/2011	THCS Nam Thắng	Phòng 10	7.50	6.00	7.50	1.00	0.00	22.00
143	740266	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	Nữ	21/06/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 12	8.00	8.00	6.00	0.00	0.00	22.00
144	740342	TRẦN BÍCH NGỌC	Nữ	09/11/2011	THCS Hoàng Ngân	Phòng 15	8.00	8.00	6.00	0.00	0.00	22.00
145	740357	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NHI	Nữ	28/04/2011	THCS Nam Mỹ	Phòng 15	6.50	7.75	7.75	0.00	0.00	22.00
146	740037	PHAN DIỆP ANH	Nữ	11/07/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 2	7.25	7.75	6.95	0.00	0.00	21.95
147	740270	TÔ DUY LINH	Nam	03/03/2011	THCS Nam Cường	Phòng 12	7.25	7.75	6.95	0.00	0.00	21.95
148	740407	TÔ NHƯ QUỲNH	Nữ	25/09/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 17	7.25	8.00	6.70	0.00	0.00	21.95
149	740191	HOÀNG KHÁNH HUÊ	Nữ	06/01/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 8	8.00	8.25	5.60	0.00	0.00	21.85
150	740299	NGUYỄN THỊ XUÂN MAI	Nữ	10/08/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 13	7.25	8.75	5.85	0.00	0.00	21.85
151	740366	ĐỖ VIỆT PHÁT	Nam	07/01/2011	THCS Điền Xá	Phòng 16	7.50	7.50	6.85	0.00	0.00	21.85
152	740524	PHAN ĐÌNH TÙNG	Nam	09/01/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 22	7.75	7.50	6.60	0.00	0.00	21.85
153	740462	TRƯƠNG THỊ THÚY	Nữ	27/01/2011	THCS Điền Xá	Phòng 20	7.75	8.50	5.55	0.00	0.00	21.80
154	740253	NGUYỄN PHÚ TÙNG LÂM	Nam	01/07/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 11	7.75	7.50	6.50	0.00	0.00	21.75
155	740278	NGUYỄN QUANG LONG	Nam	06/07/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 12	7.75	8.00	6.00	0.00	0.00	21.75
156	740293	NGUYỄN KHÁNH LY	Nữ	04/11/2011	THCS Nam Phong	Phòng 13	7.50	8.25	6.00	0.00	0.00	21.75
157	740315	NGUYỄN THỊ KIỀU MY	Nữ	22/02/2011	THCS Nam Thắng	Phòng 14	8.25	7.50	6.00	0.00	0.00	21.75
158	740400	NGUYỄN HỒNG QUÂN	Nam	26/06/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 17	7.75	7.00	7.00	0.00	0.00	21.75
159	740427	TRẦN PHƯƠNG THANH	Nữ	23/03/2011	THCS Điền Xá	Phòng 18	7.50	8.00	6.25	0.00	0.00	21.75
160	740432	VŨ ĐỨC THÀNH	Nam	21/07/2011	THCS Nam Cường	Phòng 18	8.00	8.25	5.50	0.00	0.00	21.75
161	740477	LÊ THỊ THÙY TRANG	Nữ	12/12/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 20	7.50	8.50	5.75	0.00	0.00	21.75
162	740487	TÔ THU TRANG	Nữ	26/09/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 21	8.25	7.25	6.25	0.00	0.00	21.75

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
163	740502	PHẠM ĐỨC TRỌNG	Nam	20/06/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 21	7.50	8.00	6.25	0.00	0.00	21.75
164	740017	LƯƠNG NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	07/06/2011	THCS Nam Thắng	Phòng 1	7.75	7.00	6.95	0.00	0.00	21.70
165	740163	TỔNG NGUYỄN HIỀN	Nữ	06/06/2011	THCS Hoàng Ngân	Phòng 7	8.00	8.00	5.70	0.00	0.00	21.70
166	740179	PHẠM XUÂN HIỆU	Nam	22/01/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 8	8.00	7.50	6.20	0.00	0.00	21.70
167	740272	VŨ THỊ NGỌC LINH	Nữ	04/12/2011	THCS Hoàng Ngân	Phòng 12	7.75	8.00	5.95	0.00	0.00	21.70
168	740310	PHẠM HOÀNG MINH	Nam	02/11/2011	THCS Phùng Chí Kiên	Phòng 13	6.75	7.25	7.70	0.00	0.00	21.70
169	740152	NGUYỄN HOÀNG ĐỨC HẢI	Nam	04/08/2011	THCS Điện Xá	Phòng 7	7.50	7.50	6.60	0.00	0.00	21.60
170	740216	NGUYỄN THU HUYỀN	Nữ	20/08/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 9	7.50	7.00	7.10	0.00	0.00	21.60
171	740273	VŨ THỊ THÙY LINH	Nữ	19/10/2011	THCS Điện Xá	Phòng 12	8.25	8.25	5.10	0.00	0.00	21.60
172	740390	PHẠM THỊ PHƯƠNG	Nữ	08/06/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 17	7.25	7.75	6.60	0.00	0.00	21.60
173	740257	ĐỖ THỊ HÀ LINH	Nữ	15/09/2011	TRường THCS Vạn Phúc	Phòng 11	7.00	7.75	6.80	0.00	0.00	21.55
174	740202	LÊ VŨ QUANG HUY	Nam	15/08/2011	THCS Điện Xá	Phòng 9	8.00	8.00	5.50	0.00	0.00	21.50
175	740209	TRƯƠNG HOÀNG GIA HUY	Nam	30/06/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 9	8.50	7.50	5.50	0.00	0.00	21.50
176	740499	ĐỖ THỊ KIỀU TRINH	Nữ	22/09/2011	THCS Điện Xá	Phòng 21	8.00	7.75	5.75	0.00	0.00	21.50
177	740288	ĐỖ THỊ THÚY LỰA	Nữ	03/11/2011	THCS Điện Xá	Phòng 12	7.50	8.25	5.70	0.00	0.00	21.45
178	740301	VŨ HOÀNG MAI	Nữ	26/07/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 13	5.00	7.50	8.90	0.00	0.00	21.40
179	740199	ĐINH ĐỨC HUY	Nam	14/02/2011	THCS Nam Cường	Phòng 9	7.50	8.00	5.85	0.00	0.00	21.35
180	740303	LÊ ĐỨC MẠNH	Nam	16/03/2011	THCS Nam Cường	Phòng 13	7.75	7.75	5.85	0.00	0.00	21.35
181	740470	PHẠM MINH THƯ	Nữ	24/07/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 20	7.25	7.75	6.35	0.00	0.00	21.35
182	740508	LÊ HỒNG TRƯỜNG	Nam	01/04/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 22	8.00	7.75	5.60	0.00	0.00	21.35
183	740525	TRẦN QUANG TÙNG	Nam	02/07/2011	THCS Mỹ Xá	Phòng 22	7.75	7.75	5.85	0.00	0.00	21.35
184	740130	TRỊNH MINH ĐẠT	Nam	29/12/2011	THCS Nam Cường	Phòng 6	7.75	6.75	6.80	0.00	0.00	21.30
185	740162	BÙI THỊ THU HIỀN	Nữ	30/10/2011	THCS Thành An	Phòng 7	5.75	7.50	8.05	0.00	0.00	21.30
186	740481	NGUYỄN QUỲNH TRANG	Nữ	09/09/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 21	6.00	8.00	7.30	0.00	0.00	21.30
187	740025	NGUYỄN THẢO ANH	Nữ	03/12/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 2	7.00	7.75	6.50	0.00	0.00	21.25
188	740153	NGUYỄN VĂN HẢI	Nam	31/08/2011	THCS Nam Phong	Phòng 7	7.50	7.50	6.25	0.00	0.00	21.25
189	740156	TRƯƠNG THU HẰNG	Nữ	26/08/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 7	8.75	8.00	4.50	0.00	0.00	21.25
190	740451	LÊ XUÂN THIÊN	Nam	04/11/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 19	7.50	7.00	6.75	0.00	0.00	21.25

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
191	740455	NGUYỄN THỊ THANH THUY	Nữ	24/02/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 19	7.50	7.75	6.00	0.00	0.00	21.25
192	740464	BÙI ANH THƯ	Nữ	24/10/2011	THCS Điền Xá	Phòng 20	7.75	7.50	6.00	0.00	0.00	21.25
193	740008	BÙI THỊ HÀ ANH	Nữ	23/08/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 1	7.75	7.50	5.95	0.00	0.00	21.20
194	740234	PHẠM BẢO KHANG	Nam	27/07/2011	THCS Nam Phong	Phòng 10	7.50	7.00	6.70	0.00	0.00	21.20
195	740259	LÊ MAI LINH	Nữ	30/01/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 11	7.50	6.50	7.20	0.00	0.00	21.20
196	740460	NGUYỄN THỊ THANH THỦY	Nữ	11/07/2011	THCS Hoàng Ngân	Phòng 20	8.00	7.00	6.15	0.00	0.00	21.15
197	740084	VŨ MAI CHI	Nữ	21/10/2011	THCS Hoàng Ngân	Phòng 4	8.50	7.25	5.35	0.00	0.00	21.10
198	740175	VŨ MINH HIẾU	Nam	02/07/2011	THCS Nam Cường	Phòng 8	7.00	8.00	6.10	0.00	0.00	21.10
199	740265	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	23/11/2011	THCS Điền Xá	Phòng 12	7.50	8.00	5.60	0.00	0.00	21.10
200	740268	NGUYỄN THỊ LINH	Nữ	26/05/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 12	7.75	7.25	6.10	0.00	0.00	21.10
201	740541	NGUYỄN THỊ HÀ VÂN	Nữ	12/01/2011	THCS Nam Mỹ	Phòng 23	7.00	8.50	5.60	0.00	0.00	21.10
202	740569	ĐOÀN THỊ KIM XUYẾN	Nữ	24/07/2011	THCS Nam Cường	Phòng 24	7.00	6.50	7.60	0.00	0.00	21.10
203	740527	NGUYỄN XUÂN TUYẾN	Nam	09/08/2011	THCS Điền Xá	Phòng 22	7.00	8.00	6.05	0.00	0.00	21.05
204	740062	ĐỖ QUỐC BẢO	Nam	07/10/2011	THCS Điền Xá	Phòng 3	7.75	8.00	5.25	0.00	0.00	21.00
205	740172	NGUYỄN NGỌC HIẾU	Nam	20/10/2011	THCS Nam Mỹ	Phòng 8	7.75	6.75	6.50	0.00	0.00	21.00
206	740335	LÝ BẢO NGỌC	Nữ	22/06/2011	THCS Tổng Văn Trân	Phòng 14	8.50	7.25	5.25	0.00	0.00	21.00
207	740345	NGUYỄN HẢI NGUYỄN	Nam	26/04/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 15	7.25	7.25	6.50	0.00	0.00	21.00
208	740356	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NHI	Nữ	31/10/2011	THCS Nam Phong	Phòng 15	6.75	7.75	6.50	0.00	0.00	21.00
209	740543	PHẠM THỊ NGỌC VÂN	Nữ	01/10/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 23	7.75	7.50	5.75	0.00	0.00	21.00
210	740020	NGUYỄN ĐỨC ANH	Nam	01/06/2011	THCS Nam Cường	Phòng 1	7.25	7.00	6.70	0.00	0.00	20.95
211	740454	HOÀNG CÔNG THUẬN	Nam	09/10/2011	THCS Nam Thắng	Phòng 19	7.25	7.75	5.95	0.00	0.00	20.95
212	740478	LÊ THU TRANG	Nữ	15/12/2011	THCS Nam Cường	Phòng 20	7.50	8.00	5.45	0.00	0.00	20.95
213	740002	PHẠM THÀNH AN	Nam	03/08/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 1	7.25	5.75	7.85	0.00	0.00	20.85
214	740018	NGUYỄN CÔNG VIỆT ANH	Nam	14/07/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 1	7.00	8.00	5.85	0.00	0.00	20.85
215	740124	NGUYỄN DOÃN THÀNH ĐẠT	Nam	19/11/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 6	7.75	7.00	6.10	0.00	0.00	20.85
216	740150	TRẦN THỊ THU HÀ	Nữ	16/11/2011	THCS Phùng Chí Kiên	Phòng 7	8.00	7.75	5.10	0.00	0.00	20.85
217	740322	NGUYỄN TRẦN HÀ NAM	Nam	24/11/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 14	7.50	7.75	5.60	0.00	0.00	20.85
218	740373	LÊ HOÀNG KHÔI PHONG	Nam	07/09/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 16	8.00	6.75	6.10	0.00	0.00	20.85

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
219	740560	NGUYỄN PHƯƠNG VY	Nữ	08/11/2011	THCS Nam Phong	Phòng 24	6.50	6.50	7.85	0.00	0.00	20.85
220	740051	VŨ THỊ NGỌC ANH	Nữ	22/05/2011	THCS Nam Cường	Phòng 3	6.50	7.75	6.55	0.00	0.00	20.80
221	740183	ĐÀM VŨ HOÀNG	Nam	05/02/2011	THCS Hoàng Ngân	Phòng 8	7.50	6.00	6.30	1.00	0.00	20.80
222	740262	MAI PHƯƠNG LINH	Nữ	11/02/2011	THCS Nam Cường	Phòng 11	5.75	7.75	7.30	0.00	0.00	20.80
223	740381	ĐÀO NGỌC PHÚC	Nam	19/02/2011	THCS Nam Cường	Phòng 16	7.50	7.25	6.05	0.00	0.00	20.80
224	740242	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	Nữ	30/09/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 11	7.50	7.25	6.00	0.00	0.00	20.75
225	740348	ĐỖ VĂN NHẬT	Nam	11/01/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 15	7.25	6.50	7.00	0.00	0.00	20.75
226	740376	NGUYỄN THANH PHONG	Nam	06/08/2011	THCS Điền Xá	Phòng 16	8.50	8.25	4.00	0.00	0.00	20.75
227	740430	TÔ VĂN THÀNH	Nam	22/04/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 18	8.00	8.00	4.75	0.00	0.00	20.75
228	740475	PHAN THỊ THANH TRÀ	Nữ	06/04/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 20	7.00	8.50	5.25	0.00	0.00	20.75
229	740486	PHAN ĐOAN TRANG	Nữ	26/11/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 21	7.50	7.75	5.50	0.00	0.00	20.75
230	740523	NGUYỄN XUÂN TÙNG	Nam	15/05/2011	THCS Điền Xá	Phòng 22	8.00	7.75	5.00	0.00	0.00	20.75
231	740197	PHẠM HÙNG	Nam	02/01/2011	THCS Mỹ Xá	Phòng 9	7.50	7.25	5.95	0.00	0.00	20.70
232	740410	NGUYỄN NGỌC SANG	Nam	04/03/2011	THCS Mỹ Xá	Phòng 18	4.50	7.75	8.45	0.00	0.00	20.70
233	740510	ĐỖ DUY ANH TÚ	Nam	21/06/2011	THCS Điền Xá	Phòng 22	6.50	8.00	6.15	0.00	0.00	20.65
234	740123	LÊ TUẤN ĐẠT	Nam	24/10/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 6	7.25	6.25	7.10	0.00	0.00	20.60
235	740188	TRẦN HUY HOÀNG	Nam	07/06/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 8	7.25	6.25	7.10	0.00	0.00	20.60
236	740374	LÊ VŨ PHONG	Nam	14/07/2011	THCS Nam Cường	Phòng 16	7.50	8.25	4.85	0.00	0.00	20.60
237	740421	ĐOÀN XUÂN THANH	Nữ	17/01/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 18	8.25	8.00	4.35	0.00	0.00	20.60
238	740498	ĐỖ QUỐC TRIỆU	Nam	03/07/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 21	6.25	8.25	6.10	0.00	0.00	20.60
239	740554	ĐOÀN HƯNG VƯỢNG	Nam	06/07/2011	THCS Trần Bích San	Phòng 24	7.50	6.75	6.35	0.00	0.00	20.60
240	740026	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Nữ	21/07/2011	THCS Điền Xá	Phòng 2	7.25	7.75	5.50	0.00	0.00	20.50
241	740312	VŨ PHƯƠNG MINH	Nữ	25/05/2011	THCS Điền Xá	Phòng 13	7.50	8.00	5.00	0.00	0.00	20.50
242	740344	NGUYỄN ĐỨC NGUYỄN	Nam	04/11/2011	THCS Điền Xá	Phòng 15	8.50	8.00	4.00	0.00	0.00	20.50
243	740428	ĐÀO QUANG THÀNH	Nam	21/03/2011	THCS Nam Mỹ	Phòng 18	8.50	6.50	5.50	0.00	0.00	20.50
244	740555	ĐỖ THỊ HÀ VY	Nữ	21/12/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 24	8.00	6.50	6.00	0.00	0.00	20.50
245	740343	LẠI THANH NGUYỄN	Nữ	15/06/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 15	7.25	6.50	6.70	0.00	0.00	20.45
246	740503	NGUYỄN THỊ HƯƠNG TRÚC	Nữ	29/12/2011	THCS Mỹ Xá	Phòng 21	8.00	6.75	5.65	0.00	0.00	20.40

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
247	740010	CHU NGUYỄN CHÂU ANH	Nữ	02/12/2011	THCS Nam Phong	Phòng 1	6.00	7.50	6.85	0.00	0.00	20.35
248	740125	PHẠM THÀNH ĐẠT	Nam	09/09/2011	THCS Nam Thắng	Phòng 6	7.50	7.75	5.10	0.00	0.00	20.35
249	740198	BÙI QUANG HUY	Nam	25/08/2011	THCS Trần Bích San	Phòng 9	8.00	6.25	6.10	0.00	0.00	20.35
250	740250	VŨ TRUNG KIÊN	Nam	04/04/2011	THCS Nam Phong	Phòng 11	6.25	7.25	6.85	0.00	0.00	20.35
251	740308	MAI XUÂN MINH	Nam	29/12/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 13	7.25	7.00	6.10	0.00	0.00	20.35
252	740386	NGUYỄN TUẤN PHÚC	Nam	14/09/2011	THCS Hoàng Ngân	Phòng 17	8.00	7.50	4.80	0.00	0.00	20.30
253	740387	TRẦN ĐÌNH PHÚC	Nam	18/10/2011	THCS Nam Mỹ	Phòng 17	6.75	7.75	5.80	0.00	0.00	20.30
254	740564	PHẠM HÀ VY	Nữ	07/06/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 24	6.75	6.50	7.05	0.00	0.00	20.30
255	740194	NGÔ TRẦN HÙNG	Nam	09/05/2011	THCS Mỹ Xá	Phòng 9	7.00	7.50	5.75	0.00	0.00	20.25
256	740213	NGUYỄN THANH HUYỀN	Nữ	02/04/2011	THCS Nam Phong	Phòng 9	6.75	7.00	6.50	0.00	0.00	20.25
257	740228	MAI THANH HƯƠNG	Nữ	03/01/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 10	7.75	5.75	6.75	0.00	0.00	20.25
258	740235	TRẦN NGUYỄN ĐỨC KHANG	Nam	17/11/2011	THCS Phùng Chí Kiên	Phòng 10	6.50	6.75	7.00	0.00	0.00	20.25
259	740292	ĐÌNH HƯƠNG LY	Nữ	23/03/2011	THCS Mỹ Xá	Phòng 13	7.25	8.25	4.75	0.00	0.00	20.25
260	740459	NGUYỄN THỊ THỦY	Nữ	25/02/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 20	8.00	8.00	4.25	0.00	0.00	20.25
261	740011	ĐẶNG HOÀI ANH	Nữ	23/09/2011	THCS Hoàng Ngân	Phòng 1	7.50	7.25	5.45	0.00	0.00	20.20
262	740121	ĐỖ QUANG ĐẠT	Nam	20/05/2011	THCS Lý Thường Kiệt	Phòng 6	7.50	4.00	8.70	0.00	0.00	20.20
263	740394	VŨ THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	31/10/2011	THCS Điền Xá	Phòng 17	6.50	8.50	5.20	0.00	0.00	20.20
264	740440	PHẠM THỊ THANH THẢO	Nữ	23/09/2011	THCS Hoàng Ngân	Phòng 19	7.75	7.25	5.20	0.00	0.00	20.20
265	740007	BÙI NGUYỄN HOÀNG ANH	Nam	03/05/2011	THCS Nam Phong	Phòng 1	7.50	7.00	5.60	0.00	0.00	20.10
266	740060	NGUYỄN HUY BÁCH	Nam	23/02/2011	THCS Hàn Thuyên	Phòng 3	5.50	8.00	6.60	0.00	0.00	20.10
267	740281	PHẠM TÙNG LONG	Nam	20/01/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 12	8.25	6.50	5.35	0.00	0.00	20.10
268	740339	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	24/05/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 15	7.00	6.75	6.35	0.00	0.00	20.10
269	740355	LẠI NGUYỄN PHƯƠNG NHI	Nữ	29/05/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 15	6.50	7.50	6.10	0.00	0.00	20.10
270	740415	ĐẶNG THANH TÂM	Nữ	19/07/2011	THCS Hoàng Ngân	Phòng 18	5.75	8.00	6.30	0.00	0.00	20.05
271	740558	HOÀNG THỊ TƯỜNG VY	Nữ	10/06/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 24	7.25	7.00	5.80	0.00	0.00	20.05
272	740003	TRẦN KHÁNH AN	Nam	25/10/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 1	7.50	6.50	6.00	0.00	0.00	20.00
273	740021	NGUYỄN HẢI ANH	Nam	11/06/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 1	8.50	7.75	3.75	0.00	0.00	20.00
274	740046	TRẦN THỊ MINH ANH	Nữ	04/11/2011	THCS Nam Mỹ	Phòng 2	7.75	6.50	5.75	0.00	0.00	20.00

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
275	740141	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	Nam	21/02/2011	THCS Phùng Chí Kiên	Phòng 6	7.25	5.25	7.50	0.00	0.00	20.00
276	740151	NGUYỄN DUY HẢI	Nam	28/11/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 7	7.25	7.00	5.75	0.00	0.00	20.00
277	740246	VŨ ANH KHÔI	Nam	26/02/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 11	7.00	7.75	5.25	0.00	0.00	20.00
278	740255	ĐOÀN PHƯƠNG LINH	Nữ	19/11/2011	THCS Nam Mỹ	Phòng 11	7.75	7.50	4.75	0.00	0.00	20.00
279	740320	VŨ TRÀ MY	Nữ	02/09/2010	THCS Điện Xá	Phòng 14	7.50	7.75	4.75	0.00	0.00	20.00
280	740420	NGUYỄN MINH TÂN	Nam	29/11/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 18	6.50	7.50	6.00	0.00	0.00	20.00
281	740551	CAO TUẤN VŨ	Nam	17/04/2011	THCS Đồng Sơn	Phòng 23	8.50	6.25	5.25	0.00	0.00	20.00
282	740221	ĐỖ HOÀNG ANH HƯNG	Nam	06/10/2011	THCS Nam Cường	Phòng 10	6.75	7.00	6.20	0.00	0.00	19.95
283	740283	VŨ MINH LONG	Nam	03/05/2011	THCS Điện Xá	Phòng 12	7.00	6.75	6.20	0.00	0.00	19.95
284	740396	PHẠM VĂN QUANG	Nam	28/11/2011	THCS Nam Thắng	Phòng 17	7.25	7.25	5.45	0.00	0.00	19.95
285	740056	NGUYỄN NGUYỆT ÁNH	Nữ	01/12/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 3	7.75	8.25	3.85	0.00	0.00	19.85
286	740053	HOÀNG NGỌC ÁNH	Nữ	11/02/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 3	6.50	8.00	5.25	0.00	0.00	19.75
287	740082	NGUYỄN THỊ CHI	Nữ	27/12/2011	THCS Điện Xá	Phòng 4	6.00	8.25	5.50	0.00	0.00	19.75
288	740180	TRẦN THỊ THU HÒA	Nữ	15/12/2011	THCS Nam Phong	Phòng 8	5.50	7.75	6.50	0.00	0.00	19.75
289	740285	NGUYỄN QUANG LỘC	Nam	24/11/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 12	7.75	7.25	4.75	0.00	0.00	19.75
290	740300	TRẦN NGỌC MAI	Nữ	18/03/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 13	6.50	8.25	5.00	0.00	0.00	19.75
291	740316	TRẦN DIỄM MY	Nữ	21/06/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 14	6.00	7.00	6.75	0.00	0.00	19.75
292	740375	NGUYỄN HỮU PHONG	Nam	16/12/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 16	7.25	6.75	5.75	0.00	0.00	19.75
293	740431	TRƯƠNG TIẾN THÀNH	Nam	09/01/2011	THCS Điện Xá	Phòng 18	8.00	8.00	3.75	0.00	0.00	19.75
294	740480	NGUYỄN HUYỀN TRANG	Nữ	23/11/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 20	7.75	7.50	4.50	0.00	0.00	19.75
295	740485	PHẠM THU TRANG	Nữ	05/09/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 21	7.25	6.75	5.75	0.00	0.00	19.75
296	740517	PHẠM MINH TUẤN	Nam	22/01/2011	THCS Điện Xá	Phòng 22	7.75	7.75	4.25	0.00	0.00	19.75
297	740520	NGUYỄN DUY TÙNG	Nam	02/06/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 22	6.50	7.25	6.00	0.00	0.00	19.75
298	740550	BÙI HOÀN VŨ	Nam	19/07/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 23	5.75	6.50	7.50	0.00	0.00	19.75
299	740563	NGUYỄN TƯỜNG VY	Nữ	31/03/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 24	7.75	6.25	5.75	0.00	0.00	19.75
300	740024	NGUYỄN PHÚ TUẤN ANH	Nam	24/02/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 1	7.75	6.25	5.70	0.00	0.00	19.70
301	740231	NGUYỄN THU HƯƠNG	Nữ	26/02/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 10	7.75	6.50	5.45	0.00	0.00	19.70
302	740155	PHẠM MINH HẰNG	Nữ	03/10/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 7	7.50	6.75	5.35	0.00	0.00	19.60

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
303	740267	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	Nữ	26/08/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 12	7.50	7.50	4.60	0.00	0.00	19.60
304	740425	PHẠM THỊ PHƯƠNG THANH	Nữ	06/11/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 18	8.00	6.75	4.85	0.00	0.00	19.60
305	740442	BÙI VĂN THẮNG	Nam	29/07/2011	THCS Thành An	Phòng 19	6.50	7.00	6.10	0.00	0.00	19.60
306	740473	ĐOÀN TRỌNG TÍNH	Nam	17/08/2011	THCS Nam Phong	Phòng 20	6.25	8.25	5.10	0.00	0.00	19.60
307	740490	ĐỖ BẢO TRÂM	Nữ	16/03/2011	THCS Nguyễn Hiền	Phòng 21	6.25	8.25	5.10	0.00	0.00	19.60
308	740015	LẠI TRẦN VIỆT ANH	Nam	04/12/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 1	6.50	7.00	6.00	0.00	0.00	19.50
309	740042	TRẦN ĐÌNH QUANG ANH	Nam	26/02/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 2	7.75	7.50	4.25	0.00	0.00	19.50
310	740066	NGUYỄN DUY BẢO	Nam	08/09/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 3	6.75	6.00	6.75	0.00	0.00	19.50
311	740119	PHẠM NGỌC ĐẠI	Nam	17/05/2011	THCS Nam Phong	Phòng 5	7.75	7.00	4.75	0.00	0.00	19.50
312	740138	HOÀNG NGUYỄN ANH ĐỨC	Nam	08/06/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 6	6.50	6.50	6.50	0.00	0.00	19.50
313	740212	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	Nữ	06/11/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 9	6.25	8.00	5.25	0.00	0.00	19.50
314	740241	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	Nam	26/06/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 11	7.75	6.75	5.00	0.00	0.00	19.50
315	740254	TRẦN TUỆ LÂM	Nam	15/10/2011	THCS Trần Bích San	Phòng 11	6.75	5.50	7.25	0.00	0.00	19.50
316	740456	ĐỒNG MAI THÙY	Nữ	29/09/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 19	6.50	6.25	6.75	0.00	0.00	19.50
317	740539	NGUYỄN MỸ VÂN	Nữ	10/08/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 23	7.00	7.00	5.50	0.00	0.00	19.50
318	740546	LÊ QUANG VIỆT	Nam	31/07/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 23	7.75	6.25	5.50	0.00	0.00	19.50
319	740091	TRỊNH NGỌC DIỆP	Nữ	26/07/2011	THCS Hoàng Ngân	Phòng 4	8.00	6.75	4.70	0.00	0.00	19.45
320	740006	BÙI LAN ANH	Nữ	13/11/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 1	6.25	6.25	6.85	0.00	0.00	19.35
321	740222	ĐỖ THÀNH HÙNG	Nam	04/11/2011	THCS Nam Cường	Phòng 10	7.75	7.25	4.35	0.00	0.00	19.35
322	740538	TRỊNH DUY VĂN	Nam	09/09/2011	THCS Hoàng Ngân	Phòng 23	7.50	6.00	5.85	0.00	0.00	19.35
323	740004	TRẦN TÁT AN	Nam	28/09/2011	THCS Nam Phong	Phòng 1	6.50	7.00	5.75	0.00	0.00	19.25
324	740014	HOÀNG BÁ HẢI ANH	Nam	09/10/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 1	6.25	6.50	6.50	0.00	0.00	19.25
325	740027	NGUYỄN THỊ LINH ANH	Nữ	03/06/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 2	8.50	6.75	4.00	0.00	0.00	19.25
326	740070	NGUYỄN VĂN BẢO	Nam	21/07/2011	THCS Điền Xá	Phòng 3	7.75	7.75	3.75	0.00	0.00	19.25
327	740128	TRẦN ĐỨC ĐẠT	Nam	17/10/2011	THCS Tống Văn Trân	Phòng 6	8.00	6.75	4.50	0.00	0.00	19.25
328	740169	ĐỖ DUY HIẾU	Nam	07/07/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 8	7.75	7.50	4.00	0.00	0.00	19.25
329	740297	HÀ THIÊN LÝ	Nữ	02/05/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 13	7.75	7.00	4.50	0.00	0.00	19.25
330	740313	VŨ VĂN MINH	Nam	02/10/2011	THCS Thành An	Phòng 14	6.50	6.75	6.00	0.00	0.00	19.25

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
331	740328	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	Nam	09/06/2011	THCS Nam Mỹ	Phòng 14	5.25	8.00	6.00	0.00	0.00	19.25
332	740370	HOÀNG CAO PHONG	Nam	05/10/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 16	6.75	6.75	5.75	0.00	0.00	19.25
333	740384	MAI HỒNG PHÚC	Nam	13/06/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 16	7.25	7.75	4.25	0.00	0.00	19.25
334	740474	HOÀNG KHÁNH TOÀN	Nam	10/10/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 20	8.00	7.00	4.25	0.00	0.00	19.25
335	740491	HOÀNG THỊ BẢO TRÂM	Nữ	12/11/2011	THCS Điền Xá	Phòng 21	7.25	8.25	3.75	0.00	0.00	19.25
336	740509	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	Nam	30/03/2011	THCS Nam Cường	Phòng 22	5.75	6.50	6.95	0.00	0.00	19.20
337	740237	LÊ NAM KHÁNH	Nam	02/09/2011	THCS Nam Thắng	Phòng 10	6.75	6.75	5.65	0.00	0.00	19.15
338	740256	ĐỖ KHÁNH LINH	Nữ	08/07/2011	THCS Điền Xá	Phòng 11	7.00	7.75	4.35	0.00	0.00	19.10
339	740276	LÊ HẢI LONG	Nam	31/08/2011	THCS Nam Cường	Phòng 12	6.25	7.00	5.85	0.00	0.00	19.10
340	740389	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	Nữ	24/07/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 17	7.50	7.50	4.10	0.00	0.00	19.10
341	740413	NGUYỄN THÁI SƠN	Nam	01/02/2011	THCS Điền Xá	Phòng 18	6.75	7.75	4.55	0.00	0.00	19.05
342	740171	LÊ TRUNG HIẾU	Nam	13/04/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 8	7.25	6.50	5.25	0.00	0.00	19.00
343	740280	PHẠM THẾ LONG	Nam	12/05/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 12	7.50	7.75	3.75	0.00	0.00	19.00
344	740364	PHẠM HỒNG NHUNG	Nữ	11/02/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 16	4.50	8.75	5.75	0.00	0.00	19.00
345	740556	HÀ PHƯƠNG VY	Nữ	15/12/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 24	7.00	6.00	6.00	0.00	0.00	19.00
346	740392	TÔ LÊ MAI PHƯƠNG	Nữ	01/02/2011	THCS Nam Cường	Phòng 17	5.50	7.25	6.20	0.00	0.00	18.95
347	740247	VŨ KHẮC KHÔI	Nam	01/04/2011	THCS Hoàng Ngân	Phòng 11	8.00	5.75	5.10	0.00	0.00	18.85
348	740412	NGUYỄN ĐÌNH SƠN	Nam	24/10/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 18	7.50	7.50	3.85	0.00	0.00	18.85
349	740041	TRẦN CHÍ TUẤN ANH	Nam	03/06/2011	THCS Nam Phong	Phòng 2	6.75	7.75	4.25	0.00	0.00	18.75
350	740064	HOÀNG GIA BẢO	Nam	05/07/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 3	7.50	8.00	3.25	0.00	0.00	18.75
351	740080	NGUYỄN BẢO CHÂM	Nữ	06/08/2011	THCS Nam Phong	Phòng 4	6.75	7.00	5.00	0.00	0.00	18.75
352	740096	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	Nam	27/12/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 4	7.75	6.75	4.25	0.00	0.00	18.75
353	740369	BÙI THÁI PHONG	Nam	06/04/2011	THCS Nam Phong	Phòng 16	8.00	7.00	3.75	0.00	0.00	18.75
354	740573	VŨ HOÀNG YẾN	Nữ	01/11/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 24	7.00	7.00	4.75	0.00	0.00	18.75
355	740133	TRƯƠNG HẢI ĐĂNG	Nam	15/12/2011	THCS Điền Xá	Phòng 6	6.75	6.00	5.95	0.00	0.00	18.70
356	740263	NGUYỄN HÀ LINH	Nữ	27/08/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 11	7.25	6.50	4.95	0.00	0.00	18.70
357	740079	ĐỖ THANH CAO	Nam	29/07/2011	THCS Điền Xá	Phòng 4	6.75	7.25	4.60	0.00	0.00	18.60
358	740094	NGUYỄN DUY DŨNG	Nam	25/09/2011	THCS Điền Xá	Phòng 4	7.50	7.00	4.10	0.00	0.00	18.60

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
359	740116	NGUYỄN THUY DƯƠNG	Nữ	17/06/2011	THCS Hàn Thuyên	Phòng 5	5.25	7.75	5.60	0.00	0.00	18.60
360	740448	PHẠM VĂN THẮNG	Nam	18/11/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 19	8.25	6.00	4.35	0.00	0.00	18.60
361	740012	ĐOÀN ĐỨC ANH	Nam	18/05/2011	THCS Nam Giang	Phòng 1	7.50	5.75	5.25	0.00	0.00	18.50
362	740044	TRẦN LAN ANH	Nữ	07/08/2011	THCS Trần Bích San	Phòng 2	6.75	5.50	6.25	0.00	0.00	18.50
363	740054	LỘC THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	09/03/2011	THCS Điền Xá	Phòng 3	7.00	7.75	3.75	0.00	0.00	18.50
364	740087	TRẦN ĐÌNH CÔNG	Nam	30/05/2011	THCS Nam Phong	Phòng 4	5.75	7.00	5.75	0.00	0.00	18.50
365	740132	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	29/06/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 6	6.25	6.25	6.00	0.00	0.00	18.50
366	740187	PHẠM KHẮC HOÀNG	Nam	19/04/2011	THCS Nam Cường	Phòng 8	7.50	7.00	4.00	0.00	0.00	18.50
367	740200	ĐỖ GIA HUY	Nam	30/05/2011	THCS Nam Phong	Phòng 9	6.00	8.25	4.25	0.00	0.00	18.50
368	740379	HOÀNG HUY PHÚ	Nam	07/07/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 16	7.50	7.00	4.00	0.00	0.00	18.50
369	740385	NGUYỄN HỒNG PHÚC	Nam	29/03/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 17	6.75	7.75	4.00	0.00	0.00	18.50
370	740409	TRỊNH MAI QUỲNH	Nữ	28/08/2011	THCS Nam Mỹ	Phòng 18	7.00	6.75	4.75	0.00	0.00	18.50
371	740469	PHẠM MINH THƯ	Nữ	27/12/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 20	7.25	6.75	4.50	0.00	0.00	18.50
372	740552	DƯƠNG TRIỆU VŨ	Nam	25/08/2011	THCS Điền Xá	Phòng 23	7.50	6.50	4.50	0.00	0.00	18.50
373	740553	TRỊNH HUY VŨ	Nam	01/06/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 24	7.50	6.50	4.50	0.00	0.00	18.50
374	740562	NGUYỄN TƯỜNG VY	Nữ	15/01/2011	THCS Nam Mỹ	Phòng 24	7.50	6.25	4.75	0.00	0.00	18.50
375	740571	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	Nữ	17/07/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 24	7.50	7.00	4.00	0.00	0.00	18.50
376	740574	VŨ PHẠM NGỌC YẾN	Nữ	30/11/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 24	6.25	5.75	6.50	0.00	0.00	18.50
377	740085	NGUYỄN MINH CHIẾN	Nam	04/05/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 4	6.50	7.00	4.85	0.00	0.00	18.35
378	740325	ĐỖ THUY NGA	Nữ	24/11/2011	THCS Hoàng Ngân	Phòng 14	7.00	6.50	4.85	0.00	0.00	18.35
379	740034	PHẠM NHẬT ANH	Nam	15/11/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 2	7.25	5.00	6.00	0.00	0.00	18.25
380	740061	ĐỖ GIA BẢO	Nam	15/07/2011	THCS Nam Phong	Phòng 3	4.75	8.25	5.25	0.00	0.00	18.25
381	740093	ĐỖ TIẾN DŨNG	Nam	07/09/2011	THCS Điền Xá	Phòng 4	7.75	6.75	3.75	0.00	0.00	18.25
382	740118	TRẦN THUY DƯƠNG	Nữ	06/10/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 5	6.25	7.50	4.50	0.00	0.00	18.25
383	740193	ĐẶNG VIỆT HÙNG	Nam	03/09/2011	THCS Nam Mỹ	Phòng 9	6.25	8.00	4.00	0.00	0.00	18.25
384	740467	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	Nữ	13/07/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 20	7.50	7.00	3.75	0.00	0.00	18.25
385	740126	PHẠM TRẦN TIẾN ĐẠT	Nam	21/11/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 6	7.50	6.75	3.95	0.00	0.00	18.20
386	740204	MAI GIA HUY	Nam	28/08/2011	THCS Phùng Chí Kiên	Phòng 9	6.50	6.50	5.10	0.00	0.00	18.10

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
387	740274	VŨ THÙY LINH	Nữ	16/01/2011	THCS Điền Xá	Phòng 12	5.75	8.00	4.35	0.00	0.00	18.10
388	740468	PHẠM ANH THU	Nữ	29/07/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 20	6.50	7.50	4.10	0.00	0.00	18.10
389	740495	NGUYỄN ĐỨC TRÍ	Nam	21/12/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 21	5.50	5.50	7.10	0.00	0.00	18.10
390	740535	VŨ NGỌC UYÊN	Nữ	01/07/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 23	6.50	6.75	4.85	0.00	0.00	18.10
391	740033	PHẠM HẢI ANH	Nữ	10/03/2011	THCS Điền Xá	Phòng 2	7.50	7.00	3.50	0.00	0.00	18.00
392	740098	NGUYỄN TRỌNG DŨNG	Nam	13/05/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 5	7.25	7.25	3.50	0.00	0.00	18.00
393	740140	NGUYỄN ANH ĐỨC	Nam	05/01/2011	THCS Nam Phong	Phòng 6	7.00	5.75	5.25	0.00	0.00	18.00
394	740206	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	19/01/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 9	4.75	6.50	6.75	0.00	0.00	18.00
395	740227	ĐỖ THỊ HƯƠNG	Nữ	04/07/2011	THCS Nam Cường	Phòng 10	7.25	6.50	4.25	0.00	0.00	18.00
396	740244	TRỊNH NGÂN KHÁNH	Nữ	07/01/2011	THCS Nam Cường	Phòng 11	6.50	6.50	5.00	0.00	0.00	18.00
397	740249	MAI VĂN KIÊN	Nam	01/04/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 11	8.00	6.75	3.25	0.00	0.00	18.00
398	740319	VŨ NGỌC TÚ MY	Nữ	30/10/2011	THCS Điền Xá	Phòng 14	6.25	7.75	4.00	0.00	0.00	18.00
399	740346	PHẠM DANH NGUYỄN	Nam	13/11/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 15	6.00	5.75	6.25	0.00	0.00	18.00
400	740429	LÊ TUẤN THÀNH	Nam	30/07/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 18	7.75	7.25	3.00	0.00	0.00	18.00
401	740472	VŨ THỊ ANH THU	Nữ	25/10/2011	THCS Nam Cường	Phòng 20	6.50	5.75	5.70	0.00	0.00	17.95
402	740236	ĐỖ BẢO KHANH	Nam	03/07/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 10	6.75	4.25	6.90	0.00	0.00	17.90
403	740207	NGUYỄN THẾ HUY	Nam	27/03/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 9	7.00	6.75	4.10	0.00	0.00	17.85
404	740286	NGUYỄN THÀNH LỘC	Nam	09/01/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 12	5.75	6.75	5.35	0.00	0.00	17.85
405	740391	PHẠM THU PHƯƠNG	Nữ	09/10/2011	THCS Nam Thắng	Phòng 17	5.75	7.25	4.85	0.00	0.00	17.85
406	740016	LÊ ĐỨC ANH	Nam	17/11/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 1	7.25	6.00	4.50	0.00	0.00	17.75
407	740177	VŨ TRUNG HIẾU	Nam	15/11/2011	THCS Hàn Thuyên	Phòng 8	5.00	7.75	5.00	0.00	0.00	17.75
408	740284	ĐINH THÀNH LỘC	Nam	09/11/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 12	5.25	7.00	5.50	0.00	0.00	17.75
409	740307	LẠI XUÂN MINH	Nam	10/08/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 13	7.00	6.25	4.50	0.00	0.00	17.75
410	740361	TRẦN YẾN NHI	Nữ	29/01/2011	THCS Nam Mỹ	Phòng 16	6.00	7.25	4.50	0.00	0.00	17.75
411	740405	NGUYỄN DUY QUYỀN	Nam	17/04/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 17	7.25	5.50	5.00	0.00	0.00	17.75
412	740492	PHẠM GIA BẢO TRÂM	Nữ	11/02/2011	THCS Hoàng Văn Thụ	Phòng 21	4.75	8.00	5.00	0.00	0.00	17.75
413	740516	NGUYỄN MINH TUẤN	Nam	08/10/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 22	5.25	7.25	5.25	0.00	0.00	17.75
414	740408	TRẦN TÚ QUỲNH	Nữ	23/02/2011	THCS Nam Mỹ	Phòng 17	6.25	6.25	5.10	0.00	0.00	17.60

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
415	740109	ĐÀO HỮU DƯƠNG	Nam	21/09/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 5	7.25	6.75	3.50	0.00	0.00	17.50
416	740129	TRẦN VĂN ĐẠT	Nam	09/03/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 6	7.25	7.00	3.25	0.00	0.00	17.50
417	740382	ĐOÀN HỒNG PHÚC	Nam	30/09/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 16	6.75	7.00	3.75	0.00	0.00	17.50
418	740534	VŨ GIA UYÊN	Nữ	06/09/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 23	5.25	7.50	4.75	0.00	0.00	17.50
419	740243	TẠ NAM KHÁNH	Nam	29/10/2011	THCS Nam Mỹ	Phòng 11	6.00	7.50	3.85	0.00	0.00	17.35
420	740358	PHẠM KHÁNH NHI	Nữ	16/09/2011	THCS Trần Bích San	Phòng 15	4.00	7.25	6.10	0.00	0.00	17.35
421	740086	LÊ QUANG CHÍNH	Nam	02/12/2011	THCS Nam Cường	Phòng 4	7.00	5.00	5.25	0.00	0.00	17.25
422	740146	TRẦN TUẤN GIANG	Nam	15/05/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 7	7.25	6.25	3.75	0.00	0.00	17.25
423	740069	NGUYỄN GIA BẢO	Nam	06/05/2011	THCS Nam Cường	Phòng 3	4.75	6.50	5.85	0.00	0.00	17.10
424	740031	NGUYỄN VŨ KỶ ANH	Nữ	02/07/2011	THCS Nam Cường	Phòng 2	6.00	7.75	3.25	0.00	0.00	17.00
425	740165	VŨ MINH HIỀN	Nữ	14/10/2011	THCS Hoàng Văn Thụ	Phòng 7	6.00	6.50	4.50	0.00	0.00	17.00
426	740166	VŨ THỊ HIỀN	Nữ	23/02/2011	THCS Nam Mỹ	Phòng 7	5.00	6.75	5.25	0.00	0.00	17.00
427	740353	ĐỖ PHƯƠNG NHI	Nữ	05/03/2011	THCS Điền Xá	Phòng 15	5.25	7.25	4.50	0.00	0.00	17.00
428	740359	PHẠM NGỌC TUYẾT NHI	Nữ	02/11/2011	THCS Nam Cường	Phòng 15	6.25	7.00	3.75	0.00	0.00	17.00
429	740496	NGUYỄN MINH TRÍ	Nam	05/12/2011	THCS Nam Cường	Phòng 21	5.75	7.25	4.00	0.00	0.00	17.00
430	740531	HOÀNG THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	15/01/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 23	4.25	7.00	5.75	0.00	0.00	17.00
431	740549	NGUYỄN VĂN VÕ	Nam	29/09/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 23	6.00	6.25	4.75	0.00	0.00	17.00
432	740570	NGUYỄN HẢI YẾN	Nữ	02/08/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 24	6.25	6.75	4.00	0.00	0.00	17.00
433	740143	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	Nam	11/04/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 6	6.75	5.50	4.50	0.00	0.00	16.75
434	740144	TRẦN ANH ĐỨC	Nam	18/05/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 6	6.75	5.50	4.50	0.00	0.00	16.75
435	740158	NGUYỄN KIM GIA HÂN	Nữ	28/11/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 7	5.50	6.00	5.25	0.00	0.00	16.75
436	740295	VŨ KHÁNH LY	Nữ	30/05/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 13	4.25	7.50	5.00	0.00	0.00	16.75
437	740296	VŨ KHÁNH LY	Nữ	13/12/2011	THCS Phùng Chí Kiên	Phòng 13	5.50	6.00	5.25	0.00	0.00	16.75
438	740340	PHẠM VĂN TRẦN NGỌC	Nam	19/06/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 15	7.50	6.75	2.50	0.00	0.00	16.75
439	740372	LẠI TRỌNG PHONG	Nam	12/07/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 16	5.25	6.75	4.75	0.00	0.00	16.75
440	740548	NGUYỄN QUANG VINH	Nam	23/03/2011	THCS Nam Cường	Phòng 23	6.00	6.00	4.75	0.00	0.00	16.75
441	740005	TRẦN THỊ KHÁNH AN	Nữ	22/03/2011	THCS Nam Mỹ	Phòng 1	3.50	6.75	6.45	0.00	0.00	16.70
442	740559	HOÀNG YẾN VY	Nữ	14/07/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 24	5.75	6.25	4.65	0.00	0.00	16.65

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
443	740105	NGUYỄN MỸ DUYÊN	Nữ	02/01/2011	THCS Nam Mỹ	Phòng 5	5.75	6.75	4.10	0.00	0.00	16.60
444	740327	TRẦN NGỌC BẢO NGÂN	Nữ	15/08/2011	THCS Tổng Văn Trân	Phòng 14	6.25	3.75	6.55	0.00	0.00	16.55
445	740043	TRẦN KIM ANH	Nữ	07/03/2011	THCS Nam Phong	Phòng 2	4.75	8.00	3.75	0.00	0.00	16.50
446	740057	PHAN THỊ VÂN ÁNH	Nữ	26/10/2011	TH&THCS Nam Hùng	Phòng 3	4.75	7.25	4.50	0.00	0.00	16.50
447	740287	PHẠM HOÀNG LỢI	Nam	29/11/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 12	6.25	6.50	3.75	0.00	0.00	16.50
448	740326	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Nữ	06/10/2011	THCS Nam Phong	Phòng 14	5.75	6.75	4.00	0.00	0.00	16.50
449	740341	TRẦN ÁNH NGỌC	Nữ	01/01/2011	THCS Nam Phong	Phòng 15	6.00	7.75	2.75	0.00	0.00	16.50
450	740351	ĐOÀN THẢO NHI	Nữ	27/11/2011	THCS Nam Phong	Phòng 15	4.50	7.75	4.25	0.00	0.00	16.50
451	740406	DƯƠNG THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	30/01/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 17	5.00	7.00	4.50	0.00	0.00	16.50
452	740526	MAI KHẢ TUYÊ	Nam	22/07/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 22	7.50	7.25	1.75	0.00	0.00	16.50
453	740567	TRẦN PHƯƠNG VY	Nữ	24/10/2011	THCS Lộc Hòa	Phòng 24	4.75	7.25	4.50	0.00	0.00	16.50
454	740219	VŨ KHÁNH HUYỀN	Nữ	10/08/2011	THCS Nam Mỹ	Phòng 10	5.25	6.75	4.35	0.00	0.00	16.35
455	740232	LÊ THỊ HƯỜNG	Nữ	21/12/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 10	7.50	5.75	3.10	0.00	0.00	16.35
456	740334	LÊ BẢO NGỌC	Nữ	28/03/2011	THCS Nam Cường	Phòng 14	3.75	7.25	5.35	0.00	0.00	16.35
457	740465	BÙI ANH THU	Nữ	07/03/2011	THCS Hoàng Văn Thụ	Phòng 20	4.50	7.75	4.10	0.00	0.00	16.35
458	740097	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Nam	07/12/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 5	5.50	6.75	4.00	0.00	0.00	16.25
459	740106	TRẦN THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	29/04/2011	THCS Nam Mỹ	Phòng 5	5.50	7.25	3.50	0.00	0.00	16.25
460	740260	MAI HÀ LINH	Nữ	30/08/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 11	6.25	6.00	4.00	0.00	0.00	16.25
461	740437	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	06/07/2011	THCS Nam Cường	Phòng 19	3.75	6.25	6.25	0.00	0.00	16.25
462	740547	CAO THẾ VINH	Nam	08/12/2011	THCS Nam Cường	Phòng 23	6.50	6.25	3.50	0.00	0.00	16.25
463	740223	NGÔ TUẤN HÙNG	Nam	04/07/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 10	5.00	5.25	5.80	0.00	0.00	16.05
464	740001	PHẠM BẢO AN	Nữ	29/04/2011	THCS Trần Bích San	Phòng 1	6.25	6.00	3.75	0.00	0.00	16.00
465	740032	PHẠM ĐỨC ANH	Nam	24/05/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 2	7.25	6.00	2.75	0.00	0.00	16.00
466	740072	PHẠM QUỐC BẢO	Nam	05/12/2011	THCS Nam Cường	Phòng 3	8.00	5.75	2.25	0.00	0.00	16.00
467	740089	ĐOÀN MẠNH CƯỜNG	Nam	02/07/2011	THCS Nam Cường	Phòng 4	6.75	5.50	3.75	0.00	0.00	16.00
468	740330	TRẦN DUY NGHĨA	Nam	10/12/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 14	5.50	5.00	5.50	0.00	0.00	16.00
469	740393	TRẦN HÀ PHƯƠNG	Nữ	01/10/2011	THCS Hoàng Văn Thụ	Phòng 17	3.50	7.00	5.50	0.00	0.00	16.00
470	740511	NGUYỄN THANH TÚ	Nam	25/07/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 22	5.00	6.75	4.25	0.00	0.00	16.00

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
471	740122	HOÀNG TUẤN ĐẠT	Nam	20/11/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 6	5.75	5.00	5.00	0.00	0.00	15.75
472	740159	NGUYỄN PHẠM BẢO HÂN	Nữ	14/09/2011	THCS Phùng Chí Kiên	Phòng 7	4.25	7.00	4.50	0.00	0.00	15.75
473	740170	ĐỖ TRUNG HIẾU	Nam	12/12/2011	THCS Nam Phong	Phòng 8	6.00	7.25	2.50	0.00	0.00	15.75
474	740350	ĐẶNG YẾN NHI	Nữ	16/10/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 15	7.50	6.25	2.00	0.00	0.00	15.75
475	740401	VŨ MẠNH QUÂN	Nam	17/10/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 17	7.00	5.50	3.25	0.00	0.00	15.75
476	740443	ĐỖ THỊ MINH THẮNG	Nữ	16/07/2011	THCS Nam Phong	Phòng 19	2.75	7.75	5.25	0.00	0.00	15.75
477	740466	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	Nữ	03/08/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 20	4.25	6.50	5.00	0.00	0.00	15.75
478	740028	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	27/10/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 2	5.00	6.75	3.75	0.00	0.00	15.50
479	740452	VŨ ĐỨC THIÊN	Nam	06/09/2011	THCS Nam Phong	Phòng 19	3.75	7.25	4.50	0.00	0.00	15.50
480	740501	NGÔ PHƯƠNG TRINH	Nữ	15/10/2011	THCS Nam Phong	Phòng 21	5.25	7.00	3.25	0.00	0.00	15.50
481	740529	ĐOÀN HỒNG TUYẾN	Nam	20/05/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 23	5.00	7.50	3.00	0.00	0.00	15.50
482	740052	VŨ VIỆT ANH	Nam	03/05/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 3	4.50	7.00	3.75	0.00	0.00	15.25
483	740099	PHẠM TRUNG DŨNG	Nam	27/07/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 5	5.00	7.50	2.75	0.00	0.00	15.25
484	740215	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	22/11/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 9	5.50	6.50	3.25	0.00	0.00	15.25
485	740336	NGUYỄN HỒNG NGỌC	Nữ	18/07/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 14	5.75	6.00	3.50	0.00	0.00	15.25
486	740368	TRẦN QUANG PHÁT	Nam	29/04/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 16	5.25	7.25	2.75	0.00	0.00	15.25
487	740434	CAO THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	29/01/2011	THCS Nam Cường	Phòng 19	5.50	6.25	3.50	0.00	0.00	15.25
488	740504	TRẦN THỊ THANH TRÚC	Nữ	02/12/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 21	4.75	5.50	5.00	0.00	0.00	15.25
489	740192	NGUYỄN THỊ HUẾ	Nữ	06/09/2011	THCS Nam Mỹ	Phòng 8	2.25	6.50	6.45	0.00	0.00	15.20
490	740040	PHAN TUẤN ANH	Nam	30/11/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 2	4.25	6.50	4.35	0.00	0.00	15.10
491	740441	ĐÀO THỊ HỒNG THẨM	Nữ	05/05/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 19	6.00	5.25	3.85	0.00	0.00	15.10
492	740075	TRỊNH GIA BẢO	Nam	25/11/2010	THCS Phùng Chí Kiên	Phòng 4	4.75	4.75	5.55	0.00	0.00	15.05
493	740076	VŨ GIA BẢO	Nam	21/11/2011	THCS Hoàng Ngân	Phòng 4	4.00	6.25	4.75	0.00	0.00	15.00
494	740160	TRẦN GIA HÂN	Nữ	17/06/2011	THCS Trần Bích San	Phòng 7	4.00	7.50	3.50	0.00	0.00	15.00
495	740195	NGUYỄN VĂN HÙNG	Nam	18/11/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 9	6.00	5.25	3.75	0.00	0.00	15.00
496	740039	PHAN THỊ VÂN ANH	Nữ	26/10/2011	TH&THCS Nam Hùng	Phòng 2	5.00	6.00	3.75	0.00	0.00	14.75
497	740298	NGUYỄN PHƯƠNG MAI	Nữ	24/06/2011	THCS Nam Mỹ	Phòng 13	4.50	7.75	2.50	0.00	0.00	14.75
498	740519	HOÀNG THANH TÙNG	Nam	04/09/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 22	5.25	5.75	3.75	0.00	0.00	14.75

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
499	740505	ĐỖ ĐÌNH TRƯỜNG	Nam	22/07/2011	THCS Điền Xá	Phòng 22	3.50	7.00	4.10	0.00	0.00	14.60
500	740565	TRẦN ĐỖ TUỜNG VY	Nữ	27/01/2011	THCS Trần Bích San	Phòng 24	3.00	6.00	5.60	0.00	0.00	14.60
501	740090	ĐOÀN THỊ DÂU	Nữ	20/11/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 4	4.50	6.50	3.50	0.00	0.00	14.50
502	740101	ĐỖ QUỐC DUY	Nam	17/09/2011	THCS Nam Cường	Phòng 5	4.50	5.25	4.75	0.00	0.00	14.50
503	740174	TRẦN HIẾU	Nam	30/09/2011	THCS Nam Phong	Phòng 8	5.50	6.75	2.25	0.00	0.00	14.50
504	740203	MAI ĐAN HUY	Nam	14/09/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 9	4.75	6.25	3.50	0.00	0.00	14.50
505	740411	ĐOÀN XUÂN SƠN	Nam	01/02/2011	THCS Nam Phong	Phòng 18	4.00	4.75	4.75	1.00	0.00	14.50
506	740463	BÙI ANH THƯ	Nữ	29/07/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 20	5.25	6.50	2.75	0.00	0.00	14.50
507	740083	NGUYỄN THỊ KIM CHI	Nữ	29/10/2011	THCS Nam Phong	Phòng 4	5.25	6.75	2.25	0.00	0.00	14.25
508	740450	LẠI ĐÌNH THIÊN	Nam	31/05/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 19	6.00	5.50	2.75	0.00	0.00	14.25
509	740009	CAO HẢI ANH	Nam	16/10/2011	THCS Nam Cường	Phòng 1	4.75	5.50	3.85	0.00	0.00	14.10
510	740220	VŨ THỊ THU HUYỀN	Nữ	11/08/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 10	3.25	6.75	4.10	0.00	0.00	14.10
511	740403	BÙI THỰC QUYÊN	Nữ	26/04/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 17	4.75	5.25	4.00	0.00	0.00	14.00
512	740049	VŨ NGỌC ANH	Nữ	03/09/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 3	3.75	7.00	3.00	0.00	0.00	13.75
513	740095	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	Nam	23/04/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 4	2.25	5.50	6.00	0.00	0.00	13.75
514	740515	NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	28/01/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 22	4.50	6.75	2.50	0.00	0.00	13.75
515	740561	NGUYỄN THẢO VY	Nữ	22/04/2011	THCS Hàn Thuyên	Phòng 24	2.50	6.25	5.00	0.00	0.00	13.75
516	740245	PHÙNG GIA KHÔI	Nam	13/08/2011	THCS Điền Xá	Phòng 11	4.75	4.75	4.00	0.00	0.00	13.50
517	740540	NGUYỄN THẢO VÂN	Nữ	24/11/2011	THCS Nam Phong	Phòng 23	2.75	7.75	3.00	0.00	0.00	13.50
518	740318	TRỊNH TRÀ MY	Nữ	05/11/2011	THCS Nam Mỹ	Phòng 14	3.50	6.25	3.50	0.00	0.00	13.25
519	740077	NGUYỄN THỊ AN BÌNH	Nữ	09/08/2011	THCS Trần Bích San	Phòng 4	4.50	5.00	3.50	0.00	0.00	13.00
520	740224	NGUYỄN DANH HƯNG	Nam	20/07/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 10	5.25	4.50	3.25	0.00	0.00	13.00
521	740261	MAI HUYỀN LINH	Nữ	01/03/2011	THCS Lương Thế Vinh	Phòng 11	4.50	4.50	4.00	0.00	0.00	13.00
522	740433	CAO THANH THẢO	Nữ	22/11/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 19	2.50	8.25	2.25	0.00	0.00	13.00
523	740088	ĐOÀN MẠNH CƯỜNG	Nam	01/01/2011	THCS Nam Cường	Phòng 4	4.50	4.50	3.75	0.00	0.00	12.75
524	740362	TRƯƠNG TUYẾT NHI	Nữ	30/07/2011	THCS Điền Xá	Phòng 16	3.25	7.00	2.50	0.00	0.00	12.75
525	740533	TRẦN PHƯƠNG UYÊN	Nữ	05/10/2011	THCS Nam Phong	Phòng 23	3.00	6.50	3.25	0.00	0.00	12.75
526	740059	VŨ CÔNG BA	Nam	05/09/2011	THCS Nam Phong	Phòng 3	3.25	6.50	2.75	0.00	0.00	12.50

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
527	740063	HOÀNG GIA BẢO	Nam	03/06/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 3	4.50	6.50	1.50	0.00	0.00	12.50
528	740239	MAI VĂN KHÁNH	Nam	30/10/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 10	5.00	4.00	3.50	0.00	0.00	12.50
529	740108	TÔ DUY DỰ	Nam	26/06/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 5	4.25	5.50	2.50	0.00	0.00	12.25
530	740161	HOÀNG VĂN HẬU	Nam	01/05/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 7	7.50	3.50	1.25	0.00	0.00	12.25
531	740402	VŨ MINH QUÂN	Nam	23/01/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 17	3.75	5.25	3.25	0.00	0.00	12.25
532	740537	TÔ DUY VĂN	Nam	23/11/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 23	5.25	5.00	2.00	0.00	0.00	12.25
533	740264	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG LINH	Nữ	04/12/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 11	2.75	4.75	4.25	0.00	0.00	11.75
534	740404	ĐÀO MỸ QUYÊN	Nữ	14/08/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 17	1.75	7.00	3.00	0.00	0.00	11.75
535	740081	CAO THỊ KIM CHI	Nữ	21/11/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 4	3.75	4.50	3.25	0.00	0.00	11.50
536	740136	PHẠM ĐÔNG ĐÔNG	Nữ	19/10/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 6	3.00	5.00	3.50	0.00	0.00	11.50
537	740536	VŨ PHƯƠNG UYÊN	Nữ	07/09/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 23	2.75	5.50	3.25	0.00	0.00	11.50
538	740545	NGUYỄN HOÀNG THẢO VI	Nữ	25/09/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 23	2.75	5.25	3.50	0.00	0.00	11.50
539	740131	HOÀNG HẢI ĐĂNG	Nam	09/09/2010	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 6	2.50	5.00	3.75	0.00	0.00	11.25
540	740176	VŨ NGỌC HIẾU	Nam	01/07/2011	THCS Lương Thế Vinh	Phòng 8	3.50	4.75	3.00	0.00	0.00	11.25
541	740208	PHẠM QUANG HUY	Nam	13/11/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 9	2.75	6.25	2.25	0.00	0.00	11.25
542	740271	VŨ THỊ KHÁNH LINH	Nữ	11/07/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 12	2.50	7.25	1.50	0.00	0.00	11.25
543	740030	NGUYỄN VIỆT ANH	Nam	12/08/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 2	1.75	5.50	3.75	0.00	0.00	11.00
544	740103	NGUYỄN QUỐC DUY	Nam	18/03/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 5	5.50	3.75	1.75	0.00	0.00	11.00
545	740349	NGUYỄN MINH NHẬT	Nam	03/07/2011	THCS Tô Hiệu	Phòng 15	3.00	5.25	2.75	0.00	0.00	11.00
546	740532	ĐINH PHƯƠNG UYÊN	Nữ	21/03/2011	THCS Trần Bích San	Phòng 23	1.50	4.00	5.50	0.00	0.00	11.00
547	740438	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	Nữ	04/03/2011	THCS Nam Cường	Phòng 19	2.00	4.00	4.75	0.00	0.00	10.75
548	740045	TRẦN MAI ANH	Nữ	19/08/2011	THCS Hoàng Văn Thụ	Phòng 2	1.75	6.50	2.25	0.00	0.00	10.50
549	740210	LẠI THỊ THU HUYỀN	Nữ	10/03/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 9	1.75	5.50	3.25	0.00	0.00	10.50
550	740494	LÊ NGỌC BẢO TRẦN	Nữ	24/06/2011	THCS Hoàng Văn Thụ	Phòng 21	2.75	5.50	2.25	0.00	0.00	10.50
551	740078	PHAN THỊ BÌNH	Nữ	23/01/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 4	3.00	4.25	3.00	0.00	0.00	10.25
552	740168	ĐOÀN TRỌNG HIẾU	Nam	02/02/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 7	2.00	6.50	1.75	0.00	0.00	10.25
553	740279	PHẠM BẢO LONG	Nam	26/09/2011	THCS Hồng Quang	Phòng 12	1.00	6.50	2.75	0.00	0.00	10.25
554	740290	TÔ THẾ LỰC	Nam	12/12/2011	THCS Nam Cường	Phòng 13	0.75	7.00	2.35	0.00	0.00	10.10

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
555	740321	NGUYỄN THẾ NAM	Nam	24/02/2010	THCS Hồng Quang	Phòng 14	2.50	4.75	2.75	0.00	0.00	10.00
556	740518	VŨ ANH TUẤN	Nam	03/09/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 22	2.50	5.25	2.25	0.00	0.00	10.00
557	740022	NGUYỄN HOÀNG ANH	Nam	29/10/2011	THCS Hàn Thuyên	Phòng 1	3.00	3.25	3.50	0.00	0.00	9.75
558	740205	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	02/07/2011	TH & THCS Nam Toàn	Phòng 9	3.50	4.50	1.75	0.00	0.00	9.75
559	740013	ĐOÀN VIỆT ANH	Nam	27/03/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 1	1.75	5.00	2.75	0.00	0.00	9.50
560	740294	NGUYỄN KHÁNH LY	Nữ	14/03/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 13	1.75	6.00	1.75	0.00	0.00	9.50
561	740114	NGUYỄN DUY BÌNH DƯƠNG	Nam	11/12/2011	THCS Hoàng Văn Thụ	Phòng 5	2.75	3.75	2.75	0.00	0.00	9.25
562	740127	PHẠM VĂN ĐẠT	Nam	09/02/2011	THCS Nam Mỹ	Phòng 6	1.75	5.00	2.50	0.00	0.00	9.25
563	740248	HÀ MẠNH KIÊN	Nam	11/09/2011	THCS Nam Phong	Phòng 11	3.00	4.00	2.25	0.00	0.00	9.25
564	740439	PHẠM THỊ THẢO	Nữ	28/06/2010	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 19	1.75	4.25	3.25	0.00	0.00	9.25
565	740173	NGUYỄN TRẦN TRUNG HIẾU	Nam	26/10/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 8	1.75	5.50	1.75	0.00	0.00	9.00
566	740277	NGUYỄN MAI LONG	Nam	01/09/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 12	2.25	5.00	1.75	0.00	0.00	9.00
567	740360	TRẦN THẢO NHI	Nữ	03/10/2011	THCS Lương Thế Vinh	Phòng 15	2.25	3.50	3.25	0.00	0.00	9.00
568	740397	VŨ ĐỨC QUANG	Nam	26/10/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 17	1.75	4.75	2.25	0.00	0.00	8.75
569	740048	VŨ HOÀNG ANH	Nam	14/08/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 2	3.00	4.00	1.25	0.00	0.00	8.25
570	740337	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	Nữ	17/09/2011	THCS Trần Bích San	Phòng 15	2.25	4.25	1.75	0.00	0.00	8.25
571	740378	PHẠM HOÀI PHONG	Nam	01/08/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 16	0.75	5.25	2.25	0.00	0.00	8.25
572	740135	NGÔ VĂN ĐOÀN	Nam	23/09/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 6	1.25	4.50	2.25	0.00	0.00	8.00
573	740226	VŨ VIỆT HÙNG	Nam	18/12/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 10	2.25	3.75	2.00	0.00	0.00	8.00
574	740449	TRẦN ANH THẮNG	Nam	11/01/2011	THCS Nam Phong	Phòng 19	0.25	5.75	2.00	0.00	0.00	8.00
575	740414	NGUYỄN BÁ PHÚ TÀI	Nam	18/01/2011	THCS Nam Cường	Phòng 18	1.75	4.25	1.50	0.00	0.00	7.50
576	740377	PHẠM BÁ PHONG	Nam	14/06/2011	THCS Lê Đức Thọ	Phòng 16	1.75	3.00	2.50	0.00	0.00	7.25
577	740528	ĐÀO XUÂN TUYỀN	Nam	21/10/2011	THCS Nghĩa An	Phòng 22	1.25	2.50	3.25	0.00	0.00	7.00
578		Đoàn Ngọc Hải	Nam	11/02/2011	Trường THCS Hồng Quang					0.00	0.00	

Tổng: 578 thí sinh